

Bản án số: 82/2020/HS-PT

Ngày: 23 - 6 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Hiền

***Các Thẩm phán:*** Bà Trương Thị Lệ Thu

Ông Bùi Đình Thông

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Minh Hiền, Hoàng Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Quang Phiệt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2020/TLPT-HS ngày 24/02/2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị H và đồng phạm phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2020/HS-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

***Bị cáo có kháng cáo***

**1. Họ và tên: Nguyễn Thị H;** Sinh ngày: 26 tháng 01 năm 1974; tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị T (Đã mất); chồng: Trần Trung T; con 02 đứa (đầu sinh năm 1994, út sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019, đến ngày 12/8/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Nguyễn Thị H1;** tên gọi khác: **Nguyễn Thị Thúy H1;** Sinh ngày 16 tháng 12 năm 1973 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Khối phố 4 (nay là khối phố 2), thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Hữu T (Đã mất) và Trần Thị X (Đã mất); chồng: Phan Xuân D; con 03 đứa đầu sinh năm 1995, út 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2019, đến ngày 12/8/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

**3. Họ và tên: Võ Văn T;** Sinh ngày 14 tháng 4 năm 1971 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Khối phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T (Đã mất) và bà Đặng Thị H; vợ: Trần Thị Tố H; con: 03 người con (đứa đầu sinh năm 1995, đứa út sinh năm

2017); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2019, đến ngày 12/8/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

**4. Họ và tên: Trần Thị Thanh T;** Sinh ngày 02 tháng 4 năm 1973 tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình X (Đã mất) và bà Nguyễn Thị M (Đã mất); chồng: Nguyễn Tiến C; con 03 đứa, đầu sinh năm 2000, út 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2019, đến ngày 12/8/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

**5. Họ và tên: Đinh Thị Á;** Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1964 tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn Hà Trai, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Đ (Đinh Xuân Đông) (Đã mất) và bà Nguyễn Thị T; Chồng: Lê Ngọc Q (Đã mất); Con: 02 đứa, đầu sinh năm 1983, út 1986; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/4/2019, đến ngày 12/8/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

**6. Họ và tên:Đậu Xuân H;** Sinh ngày 03 tháng 01 năm 1977 tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đậu Xuân Hợi (Đã mất) và bà Cao Thị T; vợ: Nguyễn Thị H; Con: 03 đứa, đầu sinh năm 2011, út 2015; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2015, Đậu Xuân H bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng” (*Bản án số 24/2015/HSST ngày 14/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh*). Bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách từ ngày 14/8/2017, đã nộp án phí HSST vào ngày 28/7/2017; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019, đến ngày 24/01/2019 bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

**7. Họ và tên:Nguyễn Thị C;**Sinh ngày 08 tháng 7 năm 1972 tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn Hà Chua, xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Ngọc (Đã mất) và bà Đinh Thị T; chồng: Nguyễn Ánh Cường; con 02 đứa, đầu sinh năm 2004, út 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/9/2019. Có mặt tại phiên tòa.

**8. Họ và tên:Nguyễn Thị Quyên;** Sinh ngày 06 tháng 6 năm 1970 tại xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn Hà Chua, xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh N (Đã mất) và bà Đinh Thị T; chồng: Phạm Văn B; Con: 02 đứa, đầu sinh năm 2003, út 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019, đến ngày 24/01/2019 bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

**9. Họ và tên: Nguyễn Thị C;** Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1977 tại xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn Hà Chua, xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh N (Đã mất) và bà Đinh Thị T; chồng: Lê Khánh Á; Con: 02 đứa, đầu sinh năm 2001, út 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019, đến ngày 24/01/2019 bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

**10. Họ và tên: Nguyễn Hữu C;** Sinh ngày 03 tháng 02 năm 1975 tại xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn Hà Chua, xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh N (Đã mất) và bà Đinh Thị T; Vợ: Lê Thị Hồng M; Con: 02 đứa, đầu sinh năm 2014, út 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019, đến ngày 24/01/2019 bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

**11. Họ và tên: Nguyễn Ánh S;** Sinh ngày 22 tháng 01 năm 1994 tại xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn K, xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị N; Vợ: Trần Thị Mỹ H; Con: 03 đứa, đầu sinh năm 2014, út 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019, đến ngày 24/01/2019 bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

**12. Họ và tên: Nguyễn Công D;** Sinh ngày 06 tháng 6 năm 1974 tại xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn Khí Tượng, xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công H (Đã mất) và bà Đoàn Thị N; Vợ: Lê Thị S; Con: 02 đứa, đầu sinh năm 2005, út 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2019, đến ngày 24/01/2019 bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H:**

1. Ông Nguyễn Cao Trí. Sinh năm: 1976. Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Cao Trí thuộc đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

2. Ông Đặng Văn Sơn, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Đặng Sơn và cộng sự, đoàn luật sư thành phố Hà Nội; số: 31, ngõ 192, Tam Trinh, Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội, vắng mặt.

3. Ông Hoàng Văn Tuynh, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Đặng Sơn và cộng sự, đoàn luật sư thành phố Hà Nội; số: 31, ngõ 192, Tam Trinh, Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội, vắng mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công D:** Ông Trần Thanh Minh. Sinh năm: 1985. Là trợ giúp viên pháp lý thuộc trung T trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:**

1. Chị Võ Thị H; Sinh năm: 1977. Nơi cư trú: Số nhà 01, ngõ 32 đường Nguyễn Tuấn Thiện, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị H; (tên thường gọi: Hoa Lý). Nơi cư trú: Khu phố Vĩnh Long 1, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Kim H. Sinh năm: 1986. Nơi cư trú: Số nhà 250, đường Việt – Lào, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Thanh V. Sinh năm: 1970. Nơi cư trú: Thôn Công Thương, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

5. Chị Lê Thị H. Sinh năm: 1986. Nơi cư trú: Khu Phố Vĩnh Long 1, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

6. Anh Trần Trung T; Sinh ngày: 06/6/1971. Nơi cư trú: Thôn Công Thương, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm: 1979. Nơi cư trú: Khối 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

8. Chị Trần Thị Tố H. Sinh năm: 1976. Nơi cư trú: Số nhà 252, đường Việt – Lào, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

Những người khác trong vụ án không liên quan đến việc kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/01/2019, Nguyễn Thị H mua lô hàng 215 cá thể Tê tê (bao gồm: 144 cá thể có sức khỏe bình thường, 23 cá thể có sức khỏe yếu và 48 cá thể đã chết là loài Tê tê java tên khoa học là *Manis Javanica*. Loài Tê tê java *Manis Javanica* thuộc Phụ lục I, Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm và được ưu tiên bảo vệ (*Ban hành kèm theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ*); Loài Tê tê java *Manis Javanica* thuộc Phụ lục I, Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (*Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017*) của một người tên Lương (*Người Lào*) với giá 1.500.000.000 đồng. Đồng thời Hường thông báo cho Nguyễn Thị H1 (chủ hàng, cùng chung vốn mua bán Tê tê) biết là hàng Tê tê sắp về để Hường đến nhà Hường cùng kiểm đếm dỡ Tê tê. Nguyễn Thị H đã thuê Võ Văn T, Đinh Thị Á vận chuyển, Trần Thị Thanh T kiểm đếm Tê tê; Đậu Xuân H bốc, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị C nấu bột cho Tê tê ăn; Nguyễn Hữu C, Nguyễn Ánh S và Nguyễn Công D bốc dỡ, nhót và bơm bột cho Tê tê ăn. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi Nguyễn Thị H cùng Nguyễn Thị H1, Trần Thị Thanh T đang kiểm đếm Tê tê và chỉ đạo Đậu Xuân H, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Ánh S, Nguyễn Công D, Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị C bốc dỡ, bơm bột cho Tê tê ăn tại nhà riêng của Hường thì bị Tổ công tác của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại bản án Hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 244 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Thúy H1), Võ Văn T, Trần Thị Thanh T, Đinh Thị Á, Đậu Xuân H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị C, Nguyễn Ánh S, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Công D, phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H 08**

năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2019 đến ngày 12/8/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H1** 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2019 đến ngày 12/8/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, các điểm s, t và v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Võ Văn T** 02 năm 9 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2019 đến ngày 12/8/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Trần Thị Thanh T** 02 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2019 đến ngày 12/8/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đinh Thị Á** 02 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2019 đến ngày 12/8/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đậu Xuân H** 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị C** 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Q** 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019 vào thời gian chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị C** 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu C** 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Ánh S** 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Công D** 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

**Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 32, khoản 4 Điều 244 Bộ luật hình sự phạt bổ sung các bị cáo: Nguyễn Thị H và bị cáo Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Thúy H1) mỗi bị cáo 70 triệu đồng; Bị cáo Võ Văn T 60 triệu đồng; bị cáo Trần Thị Thanh T và Đinh Thị Ánh mỗi bị cáo 50 triệu đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không áp dụng phạt bổ sung và xem xét việc bỏ lọt tội phạm. Bị cáo Nguyễn Thị H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm tiền phạt bổ sung; Trần Thị Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Võ Văn T, Đinh Thị Á kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm tiền phạt bổ sung; Đậu Xuân H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị C, Nguyễn Ánh S, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Công D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị H xin rút kháng cáo xem xét việc bỏ lọt tội phạm và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không áp dụng phạt bổ sung phạt tiền. Bị cáo Trần Thị Thanh T bổ sung kháng cáo xin không áp dụng hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị H, giảm cho các bị cáo từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Văn T, Đinh Thị Á, Trần Thị Thanh T, Đậu Xuân H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị C, Nguyễn Ánh S, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Công D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H xin rút kháng cáo đề nghị xem xét việc bỏ lọt tội phạm; bị cáo Trần Thị Thanh T bổ sung kháng cáo xin không áp dụng hình phạt tiền. Xét việc rút kháng cáo, bổ sung kháng cáo tại phiên tòa của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

#### **[2] Về nội dung:**

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm các bị cáo hoàn toàn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội cũng như phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H xét xử các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” được quy định tại khoản 3 Điều 244 của BLHS là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi, các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nH vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách bảo vệ động vật thuộc

danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái tự nhiên gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo

Xét kháng cáo của Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H, Võ Văn T:

Trong vụ án này, Nguyễn Thị H1 là người khởi xướng và giữ vai trò chính. Bị cáo là người trực tiếp bỏ tiền vốn 1.500.000.000 đồng mua lô hàng là 215 cá thể Tê tê từ Lào về Việt Nam để mua bán trái phép, đồng thời là người tổ chức buôn bán, nuôi, nhốt 215 cá thể Tê tê có trọng lượng 603,6 kg. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS: thành khẩn khai báo; được Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận trước khi phạm tội đã cung cấp nhiều thông tin tội phạm về ma túy cho Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế Cầu Treo trong việc bắt giữ đối tượng Xồng Gióng Hạ (người Lào) có hành vi vận chuyển 10kg ma túy đá từ Lào về Việt Nam để tiêu thụ vào ngày 06/9/2017; quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo có nhiều đóng góp trong phong trào xây dựng nông thôn mới được Bộ đội biên phòng tỉnh Hà Tĩnh chứng nhận, được UBND xã S, huyện H tặng giấy khen. Bị cáo chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ của liệt sỹ Nguyễn Văn Cừ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính trong gia đình nên HĐXX sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo được Đoàn biên phòng Nậm Cắn, Nghệ An xác nhận trước khi phạm tội đã cung cấp nhiều thông tin tội phạm về ma túy trong việc bắt giữ đối tượng Và Bá Cu (người Lào) có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; b bv ô chồng bị cáo là ông Trần Văn Xuân được tặng huân chương kháng chiến hạng 3.

Bị cáo Nguyễn Thị H1 có vai trò đồng phạm là người giúp sức tích cực. Tuy bị cáo Hương không phải góp tiền vốn cùng bị cáo Hường để mua 215 cá thể tê tê nH lại là người trực tiếp ghi sổ sách, bàn bạc, thỏa thuận và thống nhất cùng bị cáo Hường thực hiện hành vi buôn bán trái phép 215 cá thể Tê Tê và nếu bán được số 215 cá thể tê tê thì sẽ chia đều lời, lãi nên phải cùng chịu trách nhiệm với Hường về số tiền 1.500.000.000 đồng và 215 cá thể Tê Tê. Cấp sơ thẩm xác định vai trò của Hương đứng ngang bị cáo Hường trong vụ án để xử bị cáo mức án nghiêm ngang bị cáo Hường và cao hơn các đồng phạm khác là đúng quy định pháp luật. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS: thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, Đoàn biên phòng cửa khẩu Thanh Thủy, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 18/11/2018 đã cung cấp nhiều thông tin tội phạm về ma túy cho Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy trong việc bắt giữ đối tượng Phong Xồng (người Lào) đang có hành vi vận chuyển 3.000.000 viên hồng phiến trong chuyên án 212b vào ngày 21/8/2018; Đoàn biên phòng cửa khẩu Nam Giang, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xác nhận đã cung cấp nhiều thông tin có công trong việc giúp đỡ đồn Biên Phòng Cửa khẩu Nam Giang, Bộ đội Biên Phòng tỉnh Nghệ An trong công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại. Bị cáo Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Thúy H1) được UBND thị trấn T xác nhận có công chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng ông Võ Xuân Quang thuộc Thương Bệnh binh hạng 1:81% từ ngày 16/6/2001 đến nay. Được Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện H xác nhận từ năm 2011 đến nay gia đình tích cực tham gia ủng hộ quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam /Dioxin huyện H. Có ông ngoại được Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh Hà Tĩnh tặng giấy khen. Có bà ngoại được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất

trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính trong nhà, chồng bị bệnh, con đang tuổi đi học, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t, khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn con còn nhỏ, bị cáo là phụ nữ và là lao động chính trong gia đình, HĐXX thấy cần phải xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Võ Văn T là đồng phạm với vai trò thứ yếu, là người được bị cáo Nguyễn Thị H thuê vận chuyển 215 cá thể tê tê với số tiền công 11 triệu đồng nH số tiền công đó bị cáo T chưa được nhận và là người trực tiếp thuê xe, chỉ đạo anh Nguyễn Thanh Vân chở bị cáo Đinh Thị Ánh và bị cáo Trần Thị Thanh T đi lên khu vực biên giới nhận và vận chuyển trái phép 215 cá thể Tê Tê về nhà bị cáo Nguyễn Thị H. Vai trò của bị cáo T đứng sau bị cáo Hường và Hương trong vụ án. Tuy nhiên, xét vai trò của bị cáo là thứ yếu; động cơ, mục đích phạm tội chỉ nhằm vận chuyển lấy tiền công; sau khi phạm tội bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo; được Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận trước khi phạm tội đã cung cấp nhiều thông tin tội phạm về ma túy cho Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế Cầu Treo trong việc điều tra chuyên án 466 – LV ngày 23/7/2015 và chuyên án 469 LV ngày 03/1/2016 của bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh; được Công an huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận là người có thành tích giúp đỡ Công an huyện H trong việc bắt quả tang Phạm Văn Bình, trú tại Thôn Hà Chua, xã Sơn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh có hành vi tàng trữ trái phép 0,5753 gam Hêrôin và ngày 03/8/2015 Cơ quan Điều tra công an huyện H đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngoài ra, trong giai đoạn 2012 – 2015 Võ Văn T đã cung cấp cho Công an huyện H nhiều thông tin có giá trị trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật góp phần đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Bị cáo Võ Văn T trước khi phạm tội là Giám đốc Công ty Cổ Phần Chế biến Lâm Sản Trung Nhi đã được Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng tặng bằng khen vì đã có nhiều thành tích đóng góp cho đợt vận động mái ấm cho người nghèo, nơi biên giới hải đảo. Quá trình sinh sống tại địa phương bản thân bị cáo; công ty của bị cáo cũng như vợ của bị cáo đã có nhiều hoạt động vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam. Bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và 40 năm tuổi đảng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm tình tiết có công cứu người cứu nạn được UBND thị trấn Phố Châu biểu dương, khen thưởng. Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS cũng như nhân thân bị cáo HĐXX xét thấy cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì vậy kháng cáo của bị cáo có căn cứ được chấp nhận.

Cần giữ nguyên hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Bị cáo Đinh Thị Á, Đậu Xuân H, Nguyễn Thị Cn, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị C, Nguyễn Ánh S, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Công D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng TNHS, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo



được hưởng hình phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề được quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS và khung hình phạt đã viện dẫn trên, HĐXX phúc thẩm thấy mức án mà cấp sơ thẩm tuyên đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo nên không có căn cứ để giảm nhẹ hơn nữa. Đối với bị cáo Đinh Thị Á, Trần Thị Thanh T có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị H trong việc nhận, kiểm đếm và vận chuyển Tê Tê tuy nhiên bị cáo Á, T có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, không có thu nhập, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, công việc chính là đi làm thuê kiếm tiền trang trải cuộc sống hàng ngày, vì vậy HĐXX xét thấy kháng cáo không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Đinh Thị Á, Trần Thị Thanh T được chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí HSPT theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Võ Văn T.

Sửa bản án sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Võ Văn T.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Đinh Thị Á, Trần Thị Thanh T, Đậu Xuân H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị C, Nguyễn Ánh S, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Công D về phần hình phạt.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh về phần hình phạt đối với các bị cáo Đinh Thị Á, Trần Thị Thanh T, Đậu Xuân H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị C, Nguyễn Ánh S, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Công D.

Chấp nhận kháng cáo về nội dung không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo Đinh Thị Á, Trần Thị Thanh T.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 244 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Thúy H1), Võ Văn T, Trần Thị Thanh T, Đinh Thị Á, Đậu Xuân H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị C, Nguyễn Ánh S, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Công D phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H6 (sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2019 đến ngày 12/8/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H1 6 (sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2019 đến ngày 12/8/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, các điểm s, t và v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Võ Văn T 2 năm 6 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2019 đến ngày 12/8/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Trần Thị Thanh T 02 năm 6 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2019 đến ngày 12/8/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đinh Thị Á 02 năm 6 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2019 đến ngày 12/8/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đậu Xuân H 02 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị C 02 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Q 02 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019 vào thời gian chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Chinh 02 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu C 02 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Ánh S 02 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Công D 02 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2019.

**Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 32, khoản 4 Điều 244 Bộ luật hình sự phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị H1 (Nguyễn Thị Thúy Hương) mỗi bị cáo 70 (bảy mươi) triệu đồng; Võ Văn T 60 (sáu mươi) triệu đồng

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Đậu Xuân H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị C, Nguyễn Ánh S, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Công D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng

án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Võ Văn T, Đinh Thị Á, Trần Thị Thanh T không phải chịu án phí HSPT.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận :**

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND,CA,VKS,THA sơ thẩm;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thu Hiền**